

STT	Tên cơ quan	Công khai minh bạch	Chất lượng GQ	Tiến độ GQ	MĐ hài lòng	Số hóa HS	Thanh toán TT	Tổng điểm
1	UBND xã Hải Hưng	18	10	20	18	21.99	10	97.99
2	UBND xã An Lão	18	10	19.98	18	21.99	10	97.97
3	UBND xã Trần Phú	18	10	19.97	18	21.98	10	97.95
4	UBND phường Thạch Khôi	18	10	19.99	18	21.95	10	97.94
5	UBND xã Hợp Tiến	18	10	20	18	21.94	10	97.94
6	UBND xã Thanh Miện	18	10	19.98	18	21.95	10	97.93
7	UBND phường Bắc An Phụ	18	10	19.98	18	21.94	10	97.92
8	UBND phường Bạch Đằng	18	10	19.96	18	21.96	10	97.92
9	UBND xã Ninh Giang	18	10	19.98	18	21.94	10	97.92
10	UBND Đặc khu Cát Hải	18	10	19.96	18	21.95	10	97.91
11	UBND phường Ngô Quyền	18	10	19.97	18	21.94	10	97.91
12	UBND xã Hồng Châu	18	10	19.99	18	21.92	10	97.91
13	UBND phường Đông Hải	18	10	19.93	18	21.97	10	97.9
14	UBND xã Yết Kiêu	18	10	19.97	18	21.94	9.99	97.9
15	UBND phường Hồng Bàng	18	10	19.94	18	21.95	10	97.89
16	UBND phường Lê Ích Mộc	18	10	19.96	18	21.93	10	97.89
17	UBND phường Lê Thanh Nghị	18	10	19.95	18	21.94	10	97.89
18	UBND xã Chí Minh	18	10	19.96	18	21.93	10	97.89
19	UBND xã Nguyễn Lương Bằng	18	10	19.98	18	21.91	10	97.89
20	UBND xã Tân Minh	18	10	19.95	18	21.94	10	97.89
21	UBND phường Lê Chân	18	10	19.97	18	21.91	10	97.88
22	UBND xã Vĩnh Thuận	18	10	19.98	18	21.9	10	97.88
23	UBND phường Thủy Nguyên	18	10	19.96	18	21.91	10	97.87
24	UBND xã Thái Tân	18	10	19.96	18	21.91	10	97.87
25	UBND xã Tiên Lãng	18	10	19.94	18	21.93	10	97.87
26	UBND xã Vĩnh Hòa	18	10	19.94	18	21.93	10	97.87
27	UBND phường Hồng An	18	10	19.9	18	21.96	10	97.86
28	UBND phường Nam Đồng	18	10	19.98	18	21.88	10	97.86
29	UBND xã An Trường	18	10	19.98	18	21.88	10	97.86
30	UBND xã Hà Bắc	18	10	19.93	18	21.93	10	97.86
31	UBND xã Hà Đông	18	10	19.97	18	21.89	10	97.86
32	UBND xã Phú Thái	18	10	19.94	18	21.92	10	97.86
33	UBND phường Đồ Sơn	18	10	19.94	18	21.91	10	97.85

34	UBND xã Gia Lộc	18	10	19.99	18	21.86	10	97.85
35	UBND xã Nam Thanh Miện	18	10	19.98	18	21.87	10	97.85
36	UBND xã Nguyên Giáp	18	10	20	18	21.85	10	97.85
37	UBND phường Trần Hưng Đạo	18	10	19.95	18	21.89	10	97.84
38	UBND xã Chấn Hưng	18	10	19.88	18	21.96	10	97.84
39	UBND xã Kim Thành	18	10	19.94	18	21.9	10	97.84
40	UBND phường Gia Viên	18	10	19.95	18	21.88	10	97.83
41	UBND phường Hòa Bình	18	10	19.97	18	21.86	10	97.83
42	UBND xã Khúc Thừa Dụ	18	10	20	18	21.83	10	97.83
43	UBND xã Vĩnh Thịnh	18	10	19.96	18	21.87	10	97.83
44	UBND phường Việt Hòa	18	10	19.98	18	21.84	10	97.82
45	UBND xã An Hưng	18	10	19.89	18	21.93	10	97.82
46	UBND xã Quyết Thắng	18	10	20	18	21.82	10	97.82
47	UBND phường Lưu Kiếm	18	10	19.95	18	21.86	10	97.81
48	UBND xã Hùng Thắng	18	10	19.96	18	21.85	10	97.81
49	UBND xã Nam Sách	18	10	19.95	18	21.86	10	97.81
50	UBND xã Tuệ Tĩnh	18	10	19.98	18	21.83	10	97.81
51	UBND phường Nguyễn Đại Nãng	18	10	19.94	18	21.86	10	97.8
52	UBND phường Trần Liễu	18	10	19.93	18	21.87	10	97.8
53	UBND phường Tứ Minh	18	10	19.97	18	21.83	10	97.8
54	UBND xã Bình Giang	18	10	19.99	18	21.81	10	97.8
55	UBND phường An Hải	18	10	19.97	18	21.82	10	97.79
56	UBND phường Nam Triệu	18	10	19.98	18	21.81	10	97.79
57	UBND phường Nhị Chiểu	18	10	19.98	18	21.81	10	97.79
58	UBND phường Trần Nhân Tông	18	10	19.99	18	21.8	10	97.79
59	UBND xã Lai Khê	18	10	19.96	18	21.83	10	97.79
60	UBND xã Thanh Hà	18	10	19.99	18	21.8	10	97.79
61	UBND xã Vĩnh Hải	18	10	19.94	18	21.85	10	97.79
62	UBND xã Bắc Thanh Miện	18	10	19.92	18	21.86	10	97.78
63	UBND xã Tân An	18	10	19.99	18	21.79	10	97.78
64	UBND phường Lê Đại Hành	18	10	19.98	18	21.79	10	97.77
65	UBND xã An Phú	18	10	19.94	18	21.83	10	97.77
66	UBND xã Tân Kỳ	18	10	19.96	18	21.81	10	97.77
67	UBND xã Thượng Hồng	18	10	19.97	18	21.8	10	97.77
68	UBND phường An Phong	18	10	19.92	18	21.84	10	97.76

69	UBND phường Chu Văn An	18	10	19.97	18	21.79	10	97.76
70	UBND phường Kinh Môn	18	10	19.92	18	21.84	10	97.76
71	UBND phường Phạm Sư Mạnh	18	10	19.92	18	21.83	10	97.75
72	UBND xã An Thành	18	10	19.87	18	21.88	10	97.75
73	UBND xã Hà Nam	18	10	19.94	18	21.81	10	97.75
74	UBND xã Vĩnh Bảo	18	10	19.99	18	21.76	10	97.75
75	UBND phường Dương Kinh	18	10	19.96	18	21.78	10	97.74
76	UBND xã Nam An Phú	18	10	19.97	18	21.77	10	97.74
77	UBND phường An Biên	18	10	19.91	18	21.82	10	97.73
78	UBND phường Tân Hưng	18	10	19.99	18	21.74	10	97.73
79	UBND xã Hà Tây	18	10	19.95	18	21.78	10	97.73
80	UBND xã Kiến Minh	18	10	19.99	18	21.74	10	97.73
81	UBND xã Mao Điền	18	10	19.97	18	21.76	10	97.73
82	UBND xã Trường Tân	18	10	19.91	18	21.82	10	97.73
83	UBND phường Phù Lễn	18	10	19.8	18	21.92	10	97.72
84	UBND xã Đại Sơn	18	10	19.98	18	21.74	10	97.72
85	UBND phường Ái Quốc	18	10	19.97	18	21.74	10	97.71
86	UBND phường Thành Đông	18	10	19.99	18	21.72	10	97.71
87	UBND xã Đường An	18	10	19.82	18	21.89	10	97.71
88	UBND xã Tiên Minh	18	10	19.94	18	21.77	10	97.71
89	UBND phường Chí Linh	18	10	19.86	18	21.84	10	97.7
90	UBND phường Hải Dương	18	10	19.93	18	21.77	10	97.7
91	UBND xã An Quang	18	10	19.85	18	21.95	9.9	97.7
92	UBND xã Cẩm Giang	18	10	19.96	18	21.74	10	97.7
93	UBND xã Kê Sặt	18	10	19.91	18	21.78	10	97.69
94	UBND phường Hải An	18	10	19.91	18	21.77	10	97.68
95	UBND xã Gia Phúc	18	10	19.94	18	21.74	10	97.68
96	UBND phường Nam Đồ Sơn	18	10	19.95	18	21.72	10	97.67
97	UBND xã Vĩnh Am	18	10	19.9	18	21.77	10	97.67
98	UBND phường Kiến An	18	10	19.96	18	21.7	10	97.66
99	UBND xã Nghi Dương	18	10	19.98	18	21.65	10	97.63
100	UBND xã Kiến Hải	18	10	19.93	18	21.69	10	97.62
101	UBND xã Tứ Kỳ	18	10	19.99	18	21.63	10	97.62
102	UBND xã Cẩm Giàng	18	10	19.97	18	21.61	10	97.58
103	UBND xã Việt Khê	18	10	19.96	18	21.62	10	97.58

104	UBND phường Nguyễn Trãi	18	10	19.98	18	21.57	10	97.55
105	UBND phường Hưng Đạo	18	10	19.78	18	21.74	10	97.52
106	UBND phường An Dương	18	10	19.64	18	21.87	10	97.51
107	UBND xã Kiến Hưng	18	10	19.9	18	21.61	10	97.51
108	UBND xã Kiến Thụy	18	10	19.91	18	21.59	10	97.5
109	UBND xã An Khánh	18	10	19.64	18	21.84	10	97.48
110	UBND phường Thiên Hương	18	10	19.67	18	21.8	10	97.47
111	UBND xã Vĩnh Lại	18	10	19.95	18	21.46	10	97.41
112	UBND xã Lạc Phượng	18	10	19.95	18	21.32	10	97.27
113	UBND xã Nguyễn Bình Khiêm	18	10	19.94	18	21.35	9.94	97.23
114	UBND Đặc khu Bạch Long Vĩ	18	10	20	18	20.5	10	96.5